

Số: 4204 /KH-UBND

Bình Thuận, ngày 09 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

Căn cứ Quyết định số 2779/QĐ-BYT ngày 04/6/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Chăm sóc sức khỏe sinh sản, tập trung vào chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương.

Thực hiện Công văn số 5125/BYT-BM-TE ngày 19/9/2022 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn lập kế hoạch triển khai hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển về nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện sức khỏe, giảm tử vong ở bà mẹ và trẻ em, phấn đấu thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

2. Chỉ tiêu cụ thể năm 2023

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ: 83%.
- Tỷ lệ đẻ do nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ 99%.
- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà sau sinh trong 06 tuần đầu 75%.
- Tỷ số tử vong mẹ: 20/100.000 trẻ đẻ sống.
- Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi: 11,5‰.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Đối tượng can thiệp trực tiếp:
 - + Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

+ Vị thành niên/thanh niên.

- Đối tượng can thiệp gián tiếp: Nhân viên y tế tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe sinh sản trong toàn tỉnh.

- Đối tượng có liên quan đến hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản: Các nhà hoạch định chính sách có liên quan đến hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản; cha mẹ, thầy cô, cán bộ đoàn thanh niên, cán bộ hội phụ nữ,...

2. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản

- Tăng cường các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông cho cộng đồng về: Kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, đặc biệt là kiến thức và thực hành đúng về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục; tính sẵn có và chất lượng của dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Cải thiện các nội dung, đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đặc biệt chú trọng tới các loại hình truyền thông như: Internet, mạng xã hội, các ứng dụng trên điện thoại thông minh... để tiếp cận đến mọi đối tượng nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Cập nhật các tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe sinh sản toàn diện cho cán bộ y tế và cộng đồng, chú trọng các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Tăng cường việc tư vấn và thực hiện tầm soát dị tật, bệnh tật bẩm sinh nâng cao chất lượng dân số; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.

- Tăng cường truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân.

- Phối hợp các ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, nhằm đa dạng hóa các hình thức truyền thông đối với các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Tổ chức các lớp truyền thông cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho đối tượng có liên quan như: Cha mẹ, thầy cô, cán bộ đoàn thanh niên, cán bộ hội phụ nữ, công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất...

2. Nâng cao chất lượng quản lý và năng lực cho mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Cập nhật và triển khai các hướng dẫn chuyên môn, chương trình, tài liệu đào tạo có liên quan đến chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Đào tạo năng lực cho mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản, lập kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản tại các tuyến.

- Tổ chức triển khai các hoạt động lồng ghép, phối hợp với các ban ngành đoàn thể, các tổ chức có liên quan triển khai có hiệu quả về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

3. Đảm bảo nguồn nhân lực chuyên ngành và nâng cao năng lực chuyên môn trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Xây dựng chương trình đào tạo, cập nhật bộ tài liệu chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa trên các hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.
- Tổ chức và đa dạng hóa hình thức đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế (cả công lập và tư nhân, bao gồm cả nhân viên y tế tại các doanh nghiệp) nhất là tuyến xã, đang làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu, chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên cho tuyến dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc về nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản.

4. Chương trình kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục thực hiện cung cấp, kịp thời các phương tiện tránh thai; thông qua chương trình tiếp thị phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình an toàn, hiệu quả, thuận lợi với chất lượng ngày càng tốt hơn. Bên cạnh đẩy mạnh các hoạt động truyền thông - tư vấn, mạng lưới y tế từ tuyến huyện đến cơ sở đã chú trọng mở rộng, ứng dụng các kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân.

5. Củng cố và hoàn thiện chất lượng báo cáo thống kê y tế

- Cập nhật, ứng dụng bộ chỉ số, công cụ theo dõi, đánh giá về chăm sóc sức khỏe sinh sản theo các nhóm: Độ tuổi, dân tộc, khu vực, trình độ học vấn, kinh tế... và lồng ghép vào hệ thống thống kê báo cáo cũng như cơ sở dữ liệu về sức khỏe sinh sản; huấn luyện/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo.
- Cải thiện quy trình quản lý thông tin về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục (bao gồm: Thu thập, phân tích, lưu trữ thông tin) trên nền tảng hệ thống thống kê báo cáo và cơ sở dữ liệu về sức khỏe sinh sản hiện có.
- Tăng cường thu thập, phân tích dữ liệu và sử dụng các thông tin đã phân tích theo độ tuổi, giới, trình độ, nơi học tập/làm việc, tôn giáo, vùng địa lý và loại hình dịch vụ liên quan tới sức khỏe sinh sản.
- Cuối năm kiểm tra, đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm, bổ sung điều chỉnh các hoạt động phù hợp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách, theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện và lồng ghép từ các chương trình, đề án liên quan theo quy định của pháp luật; nguồn do quỹ bảo hiểm y tế chi trả; nguồn xã hội hóa; nguồn hợp pháp khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

1.1. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, hoạt động của Kế hoạch này.

1.2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc làm công tác tham mưu Ủy ban nhân dân các cấp triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

1.2.1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản của địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời điều phối hoạt động giữa các đơn vị, tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường hiệu quả phối hợp và tránh trùng lặp.

- Hướng dẫn, chỉ đạo Trung tâm Y tế triển khai các nội dung, hành động theo kế hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế tuyến cơ sở đang làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu, chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên cho tuyến dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc về nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Tập huấn chuyên môn cho cán bộ y tế các tuyến (tỉnh, huyện, xã) về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế.

1.2.2. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2023 tại địa phương.

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể các đơn vị y tế, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản trên địa bàn.

- Thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

1.2.3. Các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản theo kế hoạch của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán năm của Sở Y tế, căn cứ nội dung hoạt động và nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan thẩm định, tổng hợp kinh phí, tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh xây dựng các chương trình can thiệp, các mô

hình trong truyền thông, cung cấp thông tin, tư vấn, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với vị thành niên/thanh niên tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

- **Đẩy mạnh lồng ghép giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục toàn diện trong nhà trường:** Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp với cơ quan y tế địa phương tăng cường lồng ghép giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống liên quan đến sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên/thanh niên; xây dựng góc tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục với nội dung phù hợp với từng bậc học trong nhà trường; lồng ghép các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục trong các hoạt động sinh hoạt tập thể, tiết học ngoại khóa, các cuộc thi trong nhà trường, vận động các phụ huynh tích cực tham gia các hoạt động trong việc tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên/thanh niên.

4. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, xây dựng các chuyên mục, chuyên trang, chuyên đề về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên/thanh niên.

5. Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Phối hợp với Sở Y tế và sở, ban, ngành địa phương có liên quan xây dựng các chuyên mục, chuyên trang, chuyên đề để truyền tải các thông tin về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên/thanh niên.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Y tế, chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp lồng ghép tuyên truyền các nội dung liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên/thanh niên cho học sinh, sinh viên bằng nhiều hình thức phù hợp.

7. Bảo hiểm xã hội tỉnh: Thực hiện chi trả các dịch vụ y tế liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục theo quy định. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục nói riêng, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nói chung.

8. Đề nghị Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh: Căn cứ chương trình, nhiệm vụ thực tế năm 2023 của đơn vị, chủ động triển khai, lồng ghép các hoạt động truyền thông, xây dựng các mô hình cộng đồng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên/thanh niên để tăng cường thông tin, tuyên truyền cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức triển khai và cân đối kinh phí để thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp.

Căn cứ Kế hoạch này, đề nghị các sở, ngành liên quan, mặt trận, các đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; định kỳ trước ngày 10 tháng 12 báo cáo kết quả thực hiện của năm về Sở Y tế (qua Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh - Nguyễn Minh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh
- Mặt trận và các đoàn thể tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Bình Thuận, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVXNV. Việt.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh